

ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Biết trị giá xuất khẩu của khu vực Đông Nam Á là 1676,3 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 1526,6 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Đông Nam Á năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án:**

Câu 2. Năm 2020, giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á là 1676,3 tỉ USD, Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Đông Nam Á 149,7 tỉ USD. Tính tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án:**

Câu 3: Năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Đông Nam Á là 3202,9 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của là 149,7 tỉ USD. Tính trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Đông Nam Á? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 4. Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT SINH, TỬ CỦA BRU-NÂY NĂM 2019

(Đơn vị: ‰)

Quốc gia	Tỉ suất sinh	Tỉ suất tử
Bru-nây	15,0	4,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Bru-nây năm 2019? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).

→ **Đáp án:**

Câu 5: Năm 2020 dân số Việt Nam là 97,6 triệu người, diện tích là 331,2 nghìn km². Mật độ dân số của Việt Nam là bao nhiêu người/ km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

→ **Đáp án:**

Câu 6: Năm 2020 dân thành thị của Việt Nam là 35,93 triệu người, dân nông thôn là 61,65 triệu người. Tỉ lệ dân thành thị của Việt Nam năm 2020 là bao nhiêu ? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất %).

→ **Đáp án:**

Câu 7: Cho bảng số liệu: DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: triệu người)

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Việt Nam	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Tổng số	273	97	32	109
Thành thị	153	37	25	51
Nông thôn	120	60	7	58

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu trên, tỉ lệ dân thành thị của Việt Nam năm 2020? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %).

→ **Đáp án:**

Câu 8: Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

(Đơn vị: ‰)

Quốc gia	Bru-nây	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Lào
Tỉ lệ sinh	14	22	18	23
Tỉ lệ tử	4	6	7	7

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Lào là bao nhiêu? ? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %).

→ **Đáp án:**

Câu 9. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA PHI-LIP-PIN, NĂM 2023

Tiêu chí	Phi-lip-pin
----------	-------------

Diện tích (nghìn km ²)	300,0
Dân số (triệu người)	119,1

(Nguồn: Thống kê từ Liên hợp quốc 2020, <https://danso.org>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính mật độ dân số của Phi-lip-pin năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²)

→ **Đáp án:**

Câu 10. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Mùa vụ	Năm 2021
Lúa đông xuân	3036,6
Lúa hè thu và thu đông	2673,4
Lúa mùa	1520

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng diện tích vụ lúa đông xuân của nước ta năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 11. Việt Nam có diện tích 331.212 km², dân số năm 2022 là 99.011.160 người. Mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu? (làm tròn đến hàng đơn vị của người/km²).

→ **Đáp án:**

Câu 12. Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VÀ DOANH THU DU LỊCH CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á NĂM 2005 VÀ NĂM 2019

Năm		
Tiêu chí	2005	2019
Xuất khẩu	49,3	138,5
Nhập khẩu	33,8	147,6

(Nguồn: WB năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết doanh thu từ khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á năm 2019 tăng lên bao nhiêu triệu USD so với năm 2005? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu USD)

→ **Đáp án:**

Câu 13. Cho biết năm 2019, dân số nước ta là 96208984 người, số người trong độ tuổi dưới 15 là 23371882 người, số người trong độ tuổi từ 60 tuổi trở lên là 11408685 người. Tính tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động của nước ta năm 2019. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 14: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000-2021

Năm	2000	2005	2015	2021
Diện tích (nghìn ha)	7654,0	7329,0	7400,5	7238,9
Sản lượng (nghìn tấn)	32530,0	35833,0	43707,0	43852,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê 2021, NXB Thống kê 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết năm 2021 năng suất lúa cao hơn năm 2000 bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha)

→ **Đáp án:**

Câu 15: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÊY, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2017	2020	2021
Xuất khẩu	4,9	5,6	6,6	11,5
Nhập khẩu	2,9	3,3	5,3	7,2

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân thương mại của B-ru-nây năm 2021. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 16. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
CỦA NƯỚC TA, NĂM 2019**

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Cửu Long	4 108,1	24237,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính năng suất lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2019

(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

→ **Đáp án:**

Câu 17. Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC
TA, NĂM 2021 (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)**

Năm	2021
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1065,1
Công nghiệp và xây dựng	3177,9
Dịch vụ	3494,3
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	742,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong cơ cấu GDP của nước ta năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án:**

Câu 18. Năm 2021, dân số nước ta là 98506,10 nghìn người, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 8487475,60 tỷ đồng. GDP bình quân đầu người (triệu đồng/người) của nước ta năm 2021 là bao nhiêu? (Làm tròn đến hàng đơn vị của triệu đồng/người).

→ **Đáp án:**

Câu 19: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2020

Năm	2010	2015	2019	2020
Tổng dân số (nghìn người)	86 497,2	91 713,4	96 484,1	97 582,7
Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	44 632,2	50 379,5	48 230,9	47 321,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết tốc độ tăng trưởng của dân số cao hơn tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực bao nhiêu?(Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

→ **Đáp án:**

Câu 20. Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VÀ DOANH THU DU LỊCH Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI
ĐOẠN 2005-2019**

Chi tiêu	Năm	2005	2010	2015	2019
Số lượt khách du lịch đến (triệu lượt người)		49,3	70,4	104,2	138,5
Doanh thu du lịch (tỉ USD)		33,8	68,5	108,5	147,6

(Nguồn: Tổ chức Du lịch Thế giới, 2022)

Tính chi tiêu bình quân của lượt khách du lịch ở khu vực Đông Nam Á năm 2019 (Làm tròn đến hàng đơn vị của USD/người)

→ **Đáp án:**

Câu 21. Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI,
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (Đơn vị: triệu tấn)**

Năm	2000	2010	2020
-----	------	------	------

Đông Nam Á	5,3	8,0	10,7
Thế giới	7,1	10,8	14,0

(Nguồn: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, 2022)

Tính tỉ trọng cao su của Đông Nam Á so với thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 22. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SẢN LƯỢNG GẠO CỦA ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2020
Số dân (triệu người)	525,0	556,2	596,8	668,4
Sản lượng gạo (triệu tấn)	152,1	161,0	196,7	190,1

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng bình quân sản lượng gạo theo đầu người của Đông Nam Á năm 2020 so với năm 2000 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 23: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2021

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1913,6	181,0	330,3	300,0
Dân số (triệu người)	268,4	16,5	32,8	108,1

(Nguồn: Niên giám thống kê nước ngoài 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, tính mật độ dân số của một số của In- đô- nê- xi-a, năm 2021? Làm tròn đến hàng đơn vị của người /km².

→ **Đáp án:**

Câu 24. Biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là 669,0 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 101%. Tính trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 25. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA CAM-PU-CHIA, GIAI ĐOẠN 2015-2022

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021	2022
Xuất khẩu	8557,7	11278,1	14844,8	17412,1	16949,6	20750,5
Nhập khẩu	11797,4	14284,5	19735,4	18968,1	25490,6	29997,8

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023, <https://www.aseanstats.org>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất nhập khẩu của Cam – pu – chia năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu USD).

→ **Đáp án:**

Câu 26. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2022

(Đơn vị: ‰)

Quốc gia	Thái Lan	Việt Nam
Tỉ lệ sinh	10	15
Tỉ lệ tử	8	6

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết tỉ lệ gia tăng tự nhiên của Việt Nam cao hơn Thái Lan bao nhiêu %? (lấy 01 số thập phân sau dấu phẩy).

→ **Đáp án:**

Câu 27. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MI – AN – MA NĂM 2022

(Đơn vị: ‰)

Quốc gia	Mi – an – ma
Tỉ lệ sinh	17
Tỉ lệ tử	10

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết tỉ lệ gia tăng tự nhiên của Mi-an-ma là bao nhiêu ‰ (lấy 01 số thập phân sau dấu phẩy).

→ **Đáp án:**

HOA KÌ

Câu 1: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Trị giá					
Xuất khẩu	1096,1	1301,6	1857,2	2268,5	2148,6
Nhập khẩu	1477,2	2041,45	2389,6	2794,8	2776,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tỉ trọng nhập khẩu trong tổng giá trị xuất nhập khẩu Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ‰)

→ **Đáp án:**

Câu 2: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2020
Dầu mỏ	347,6	333,1	712,7

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2000. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ‰)

→ **Đáp án:**

Câu 3: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	781,9	901,1	1 278,5	1 502,5	1 424,9
Nhập khẩu	1 259,3	1 732,7	1 969,2	2 315,3	2 406,9

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 4: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Năm	2000	2010	2019	2020
Sản phẩm				
Than đá (triệu tấn)	974,0	983,7	640,8	484,7
Dầu mỏ (triệu tấn)	347,6	333,1	747,8	712,7
Khí tự nhiên (tỉ m ³)	518,6	575,2	930,0	914,6
Điện (tỉ kwh)	4 052,3	4 394,3	4411,2	4 286,6

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết tốc độ tăng trưởng năm 2020 của điện là bao nhiêu %, coi năm 2000 = 100% (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 5: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000-2020
(Đơn vị: tỉ USD)

<div>Năm</div> <div>Tiêu chí</div>	2000	2010	2020
Xuất khẩu	1096,1	1857,2	2148,6
Nhập khẩu	1477,2	2389,6	2776,1

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính giá trị nhập siêu trung bình của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2015? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án:**

Câu 4: Cho bảng số liệu

GDP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2005-2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2014	2018	2020
GDP	13,039	17,550	20,527	20,893

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2005? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 6: Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	20 893,74	20 796,66	32 797,13	2 350,14

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu năm 2020, GDP của Hoa Kỳ gấp bao nhiêu lần GDP của châu Phi? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

→ **Đáp án:**

Câu 7: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2020
Dầu mỏ	347,6	333,1	712,7

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2000. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 8: Năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ là 4924,7 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ là – 627,5 tỉ USD. Tính trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 9. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ GDP HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2005 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2010	2015	2021
Giá trị GDP	13039,2	15048,9	18206,0	22996,1

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2021 so với năm 2005 (coi 2005 = 100%. Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án:**

Câu 10: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	781,9	901,1	1 278,5	1 502,5	1 424,9
Nhập khẩu	1 259,3	1 732,7	1 969,2	2 315,3	2 406,9

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án: -982**

Câu 11. Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 2776,1 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án:**

Câu 12. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ GDP HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2005 – 2021 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2010	2015	2021
Giá trị GDP	13039,2	15048,9	18206,0	22996,1

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2021 so với năm 2005 (coi 2005 = 100%. Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án:**

Câu 13. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	84906,81	20893,74	20796,66	32797,13	2350,14

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 14: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỔNG SỐ DÂN CỦA HOA KỲ NĂM 2020

(Đơn vị: triệu người)

Số dân thành thị	Tổng số dân
273,9	331,5

(Trích nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, tính tỉ lệ dân thành thị của Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án:**

Câu 15: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA HOA KỲ NĂM 2020

Diện tích (triệu km ²)	Số dân (triệu người)
9,8	331,5

(Trích nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính mật độ dân số của Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

→ **Đáp án:**

Câu 16. Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 2776,1 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án:**

Câu 17. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	84906,81	20893,74	20796,66	32797,13	2350,14

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 18: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.
(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá \ Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên. Tính tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ năm 2020 tăng bao nhiêu lần so với năm 2000? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai)

→ **Đáp án:**

Câu 19: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.
(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá \ Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên. Tính tỉ trọng xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ năm 2020? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 20. Năm 2020, Hoa Kỳ có 45,0 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến và đạt doanh thu du lịch quốc tế là 84 205 triệu USD (Nguồn: WB, 2022). Tính bình quân chi tiêu du lịch của khách quốc tế đến Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/người)?

→ **Đáp án:**

Câu 21. Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng thế giới: Năm 2022, GDP của Hoa Kỳ là 25439,7 tỉ USD, GDP của Trung Quốc đạt 17963,2 tỉ USD. Hãy cho biết năm 2022, GDP của Hoa Kỳ gấp bao nhiêu lần GDP của Trung Quốc (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

→ **Đáp án:**

Câu 22. Đầu tư ra nước ngoài của toàn thế giới năm 2021 là 2 120,2 tỉ USD; trong đó đầu tư ra nước ngoài của Hoa Kỳ là 421,8 tỉ USD. Tính tỷ lệ đầu tư ra nước ngoài của Hoa Kỳ so với thế giới năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 23. Năm 2020, dân số của Hoa Kỳ là 331,5 triệu người; GDP là 20 893,7 tỉ USD. Tính thu nhập bình quân đầu người của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn USD/ người)

Câu 24. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA HOA KỲ, NĂM 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2020
Từ 0 đến 14 tuổi	18,4
Từ 15 đến 64 tuổi	65,0
	316,6

Từ 65 tuổi trở lên	
--------------------	--

Căn cứ vào bảng số liệu, tính số dân trong nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi, biết tổng số dân Hoa Kỳ năm 2020 là 331,5 triệu người. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

→

Câu 25. Số dân đầu năm 2020 của Hoa Kỳ là 329,511 triệu người, số dân cuối năm 2020 của Hoa Kỳ là 331,5 triệu người. Tính tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 25. Năm 2020, biết trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ là – 627,5 tỉ USD. Tính tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án:**

Câu 26. Biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là 4924,7 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 77,4%. Tính trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ USD)

→ **Đáp án:**

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA TỈNH BẮC NINH, NĂM 2018

(Đơn vị: Nghìn người)

Tỉnh	Bắc Ninh
Số dân	1247,5
Số dân thành thị	353,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân của tỉnh Bắc Ninh năm 2018 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA PHI-LIP-PIN NĂM 2019

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Quốc gia	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Phi-lip-pin	3 729,7	1 577,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất – nhập khẩu của Phi-lip-pin năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ CỦA VIỆT NAM NĂM 2019

Quốc gia	Diện tích (nghìn km ²)	Dân số (triệu người)
Việt Nam	331,2	96,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính mật độ dân số của Việt Nam năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI NĂM 2019

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,0	22,4	22,6	27,5	28,2	31,6	31,4	29,9	29,5	26,7	23,5	19,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt năm tại Hà Nội (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA CAM-PU-CHIA NĂM 2018

Năm	2018
Dân số (Triệu người)	15,6
GDP (Triệu đô la Mỹ)	24542

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020) Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính thu nhập bình quân đầu người của Cam-pu-chia năm 2018? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT SINH, TỬ CỦA BRU-NÂY NĂM 2019

(Đơn vị: ‰)

Quốc gia	Tỉ suất sinh	Tỉ suất tử
Bru-nây	15,0	4,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020) Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Bru-nây năm 2019? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).